

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

- Mã chứng khoán: VST
- Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 39404271, Fax:
- Email: congbothongtin@vitranschart.com.vn, Website: www.vitranschart.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ Báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 08/03/2024 tại đường dẫn: www.vitranschart.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Tổng hợp/ Hợp nhất năm 2023
- Văn bản giải trình kết quả kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật



Trịnh Hữu Lương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Ông Trịnh Hữu Lương	Ủy viên	
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên	
Ông Lê Duy Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Số: 290224.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 970 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 1.592 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 905 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán 279 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 749 tỷ đồng. Công ty đã có phương án tái cơ cấu tài chính để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới nhưng chưa xác định được tính hiệu quả. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



2. Căn cứ theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 17 tháng 01 năm 2023 Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí phạt chậm trả là 29,306 tỷ đồng. Việc ghi nhận thiếu khoản phạt chậm trả khiến chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 đang phản ánh thiếu cùng số tiền 29,306 tỷ đồng, đồng thời cũng khiến cho chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 đang phản ánh thừa cùng số tiền 29,306 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		225.560.235.350	246.240.021.787
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29.266.281.987	34.476.381.562
111	1. Tiền		29.266.281.987	34.476.381.562
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		154.023.112.395	146.118.420.938
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.431.710.576	2.979.843.500
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	840.799.009	2.435.698.362
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	160.948.640.936	149.900.917.202
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.198.038.126)	(9.198.038.126)
140	IV. Hàng tồn kho	9	30.709.440.421	42.327.246.971
141	1. Hàng tồn kho		30.709.440.421	42.327.246.971
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.561.400.547	23.317.972.316
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.374.477.248	3.042.654.260
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.045.218.310	20.141.497.946
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	141.704.989	133.820.110
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		233.259.823.595	327.896.621.950
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.249.186.422	23.249.154.521
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.249.186.422	23.249.154.521
220	II. Tài sản cố định		180.654.828.605	263.642.269.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	180.412.277.159	263.512.350.612
222	- Nguyên giá		1.355.539.741.760	1.849.301.098.124
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.175.127.464.601)	(1.585.788.747.512)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	242.551.446	129.918.539
228	- Nguyên giá		7.580.995.096	7.410.095.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.338.443.650)	(7.280.176.557)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	625.985.288	1.043.606.288
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		625.985.288	1.043.606.288
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	2.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.729.823.280	37.961.591.990
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.729.823.280	37.961.591.990
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		458.820.058.945	574.136.643.737

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.364.519.347.786	2.076.366.296.869
310	I. Nợ ngắn hạn		1.196.465.385.409	1.742.251.282.743
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.541.539.495	18.169.947.092
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	16.385.948.733	23.008.263.753
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	966.081.065	991.527.176
314	4. Phải trả người lao động		35.940.152.730	38.919.787.314
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	754.688.358.682	1.227.442.488.901
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	5.020.152.205	1.921.581.103
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	29.475.869.654	31.425.261.362
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	339.379.820.692	398.925.068.777
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.067.462.153	1.447.357.265
330	II. Nợ dài hạn		168.053.962.377	334.115.014.126
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	159.649.373.199	325.710.424.948
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(905.699.288.841)	(1.502.229.653.132)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(905.699.288.841)	(1.502.229.653.132)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		669.993.370.000	629.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		669.993.370.000	629.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.731.245.480	11.199.638.880
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.592.352.889.398)	(2.148.351.647.089)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(2.149.500.139.436)	(2.362.891.461.220)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		557.147.250.038	214.539.814.131
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		458.820.058.945	574.136.643.737

Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	437.666.578.753	778.028.722.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		437.666.578.753	778.028.722.221
11	4. Giá vốn hàng bán	24	445.786.982.439	543.766.009.268
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(8.120.403.686)	234.262.712.953
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.175.019.027	18.115.878.663
22	7. Chi phí tài chính	26	50.429.555.474	94.126.892.722
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		43.475.407.392	65.537.829.401
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	5.592.023.058	12.334.756.586
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	30.874.558.244	28.887.984.044
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(87.841.521.435)	117.028.958.264
31	12. Thu nhập khác	29	656.087.600.507	162.137.345.989
32	13. Chi phí khác	30	7.827.305.919	61.717.353.217
40	14. Lợi nhuận khác		648.260.294.588	100.419.992.772
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		560.418.773.153	217.448.951.036
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	2.598.368.778	2.909.136.905
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>557.820.404.375</u>	<u>214.539.814.131</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		557.820.404.375	214.539.814.131
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	8.379	3.405



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính




Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		560.418.773.153	217.448.951.036
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		82.478.896.893	137.340.490.540
03	- Các khoản dự phòng		-	(1.208.068.467)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		23.070.195	(332.685.157)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(90.157.176.974)	(64.353.705.531)
06	- Chi phí lãi vay		46.139.593.170	65.537.829.401
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(570.817.021.456)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.086.134.981	354.432.811.822
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.566.954.727	(57.398.597.980)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.617.806.550	(2.882.870.874)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.864.028.092)	13.643.045.672
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		25.096.575.597	38.653.900.984
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.053.279.554)	(28.366.868.547)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.627.601.952)	(2.630.715.484)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.024.641.669)	(546.310.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.797.920.588	314.904.395.593
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.563.502.293)	(54.837.899.755)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87.995.067.862	82.916.570.899
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.455.146.183	4.997.495.699
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		77.886.711.752	33.076.166.843
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		20.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(119.824.134.193)	(332.460.244.340)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(99.824.134.193)	(332.460.244.340)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.139.501.853)	15.520.318.096
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.476.381.562	19.409.760.141
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.597.722)	(453.696.675)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>29.266.281.987</u>	<u>34.476.381.562</u>



Lê Kim Phượng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 03 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 669.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 669.993.370.000 đồng; tương đương 66.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 655 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 700 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ tiếp vận, dịch vụ khai thuê hải quan, cho thuê kho bãi, container, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 970 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 1.592 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 905 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 279 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 749 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và dự kiến được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024-2025 với số tiền hơn 530 tỷ đồng, chưa kể đội tàu 5 chiếc hiện đã hết khấu hao nhưng giá trị thị trường đủ khả năng trả nợ vay. Cụ thể: khoản nợ của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Chợ Lớn theo Biên bản xác nhận và chuyển giao khoản nợ ký ngày 20/12/2022, khoản nợ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo Biên bản xác nhận và chuyển giao khoản nợ ký ngày 17/01/2023, khoản nợ của Ngân hàng Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) được xử lý theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Với căn cứ pháp lý như trên, Công ty có đủ cơ sở giả định hoạt động liên tục trong thời gian tới.

Trong năm, do ảnh hưởng của thị trường vận tải biển quốc tế, giá cước vận tải biển giảm mạnh, trung bình từ 18 nghìn USD/ngày xuống còn 3,1 nghìn USD/ngày. Do đó doanh thu Công ty giảm 43,69% kéo theo lợi nhuận gộp giảm 103,04%.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Vận tải biển

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền lương thuyền viên,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...;
- Chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.327.000	371.959.000
Tiền gửi ngân hàng (*)	29.247.954.987	34.104.422.562
- Tiền Việt Nam	7.134.172.940	12.090.872.608
- Ngoại tệ	22.113.782.047	22.013.549.954
	<u>29.266.281.987</u>	<u>34.476.381.562</u>

(*) Gồm tiền lương tháng 12/2023 chưa thanh toán và các khoản khác phải trả người lao động.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	2.000.000.000
	-	-
	2.000.000.000	2.000.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Evergreen Marine Corporation	322.906.984	-	2.406.791.233	-
Daiichi chuo naiko kaisha	45.397.056	-	542.284.032	-
Vinabridge Shipping Co.,Limited	897.686.625	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	165.719.911	-	30.768.235	-
	1.431.710.576	-	2.979.843.500	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hua Shipping & Trading Group	-	-	230.875.300	-
Global Cargo and Commodities Ltd	-	-	124.656.628	-
Trả trước cho người bán khác	840.799.009	-	2.080.166.434	-
	840.799.009	-	2.435.698.362	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	6.993.424.180	-	6.864.287.087	-
Ký cược, ký quỹ	140.016.500.000	-	128.060.453.120	-
Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa tàu Vinashin Eagle	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Phải thu khác	4.904.801.221	(164.122.591)	5.942.261.460	(164.122.591)
	160.948.640.936	(9.198.038.126)	149.900.917.202	(9.198.038.126)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Vận tải Viển dương Vinashin	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	48.000.000.000	-	99.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	81.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11.000.000.000	-	29.000.000.000	-
First Marine Service Co., Ltd	185.830.557	-	-	-
Daiichi Chuo Naiko Kaisha	1.193.656.055	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	10.535.238.789	(164.122.591)	12.867.001.667	(164.122.591)
	<u>160.948.640.936</u>	<u>(9.198.038.126)</u>	<u>149.900.917.202</u>	<u>(9.198.038.126)</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	23.249.186.422	-	23.249.154.521	-
	<u>23.249.186.422</u>	<u>-</u>	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster	19.194.686.422	-	19.249.154.521	-
Phải thu khác	4.054.500.000	-	4.000.000.000	-
	<u>23.249.186.422</u>	<u>-</u>	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV vận tải biển dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-
	9.198.038.126	-	9.198.038.126	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.902.144.540	-	30.745.630.039	-
Công cụ, dụng cụ	5.807.295.881	-	11.581.616.932	-
	30.709.440.421	-	42.327.246.971	-

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	625.985.288	1.043.606.288
- Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành (*)	625.985.288	625.985.288
- Dự án Phần mềm	-	100.000.000
- Nâng cấp hệ thống SAP	-	317.621.000
	625.985.288	1.043.606.288

(*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m2 đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m2 đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu số I số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đang được tiếp tục nghiên cứu triển khai và đưa vào kế hoạch thực hiện đầu tư dự án hàng năm của Công ty.

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	9.601.062.613	1.824.501.119.203	7.007.781.908	1.849.301.098.124
- Mua trong năm	-	-	-	38.228.636	38.228.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.730.910.000)	(490.068.675.000)	-	(493.799.585.000)
Số dư cuối năm	8.191.134.400	5.870.152.613	1.334.432.444.203	7.046.010.544	1.355.539.741.760
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.191.134.400	6.447.101.684	1.565.011.024.297	6.139.487.131	1.585.788.747.512
- Khấu hao trong năm	-	1.952.523.561	80.087.232.418	380.873.821	82.420.629.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.013.237.711)	(490.068.675.000)	-	(493.081.912.711)
Số dư cuối năm	8.191.134.400	5.386.387.534	1.155.029.581.715	6.520.360.952	1.175.127.464.601
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	3.153.960.929	259.490.094.906	868.294.777	263.512.350.612
Tại ngày cuối năm	-	483.765.079	179.402.862.488	525.649.592	180.412.277.159

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 178.431.326.072 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 284.099.359.617 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.410.095.096	7.410.095.096
- Đầu tư xây dựng phần mềm	170.900.000	170.900.000
Số dư cuối năm	7.580.995.096	7.580.995.096
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.280.176.557	7.280.176.557
- Khấu hao trong năm	58.267.093	58.267.093
Số dư cuối năm	7.338.443.650	7.338.443.650
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	129.918.539	129.918.539
Tại ngày cuối năm	242.551.446	242.551.446

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.234.521	18.634.521
Chi phí bảo hiểm ô tô, đội tàu, hỏa hoạn	1.099.971.033	2.932.598.714
Chi phí sửa chữa tàu	600.276.726	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	665.994.968	91.421.025
	2.374.477.248	3.042.654.260
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	25.981.158.667	37.391.292.838
Công cụ dụng cụ xuất dùng	735.286.785	570.299.152
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.377.828	-
	26.729.823.280	37.961.591.990

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm 2023, Công ty có thực hiện sửa chữa lên đà tàu VTC Glory.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dầu Nhòn Idemitsu Việt Nam	-	-	2.049.518.878	2.049.518.878
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	5.100.448.739	5.100.448.739	1.905.885.446	1.905.885.446
- Công ty TNHH TM & DV Hồng Thụ	866.389.424	866.389.424	1.536.389.424	1.536.389.424
- Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	422.771.500	422.771.500	1.045.123.500	1.045.123.500
- Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	864.221.664	864.221.664	1.330.471.318	1.330.471.318
- Phải trả các đối tượng khác	5.287.708.168	5.287.708.168	10.302.558.526	10.302.558.526
	12.541.539.495	12.541.539.495	18.169.947.092	18.169.947.092

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Daedong Shipping Co., ltd	16.060.461.235	20.609.584.950
- Grace Group Singapore Pte Ltd	-	2.073.191.305
- Người mua trả tiền trước khác	325.487.498	325.487.498
	16.385.948.733	23.008.263.753

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	210.391.802	3.224.681.036	3.322.035.331	-	113.037.507	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	52.954.440	52.954.440	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	131.166.662	748.869.588	2.688.388.344	2.627.601.952	140.704.989	819.194.307	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	2.653.448	32.265.786	533.044.098	528.807.185	-	33.849.251	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.631.050.622	2.631.050.622	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	11.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-
	133.820.110	991.527.176	9.140.118.540	9.173.449.530	141.704.989	966.081.065				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*) (**)	749.099.215.307	1.203.854.577.876
- Tiền ăn của thuyền viên	4.284.079.425	3.513.096.732
- Phải trả tiền lương thuyền viên	-	11.416.396.090
- Chi phí phải trả khác	1.305.063.950	8.658.418.203
	<u>754.688.358.682</u>	<u>1.227.442.488.901</u>

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 lần lượt là 47.286.253.977 đồng và 44.033.356.635 đồng.

(**) Trong năm, Công ty thanh toán đúng theo tiến độ các khoản vay và chi phí lãi vay trong hợp đồng mua bán nợ với DATC nên đạt được thỏa thuận xóa nợ gốc là 86 tỷ VND và nợ lãi là 484,8 tỷ VND. Công ty thực hiện ghi nhận thu nhập khác với khoản được xóa nợ này tại thuyết minh số 29.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước (*)	5.020.152.205	1.921.581.103
	<u>5.020.152.205</u>	<u>1.921.581.103</u>

(*) Đây là Doanh thu nhận trước của Deadong Shipping Co.,LTD về cung cấp cước vận tải biển.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	3.500.887.072	5.160.350.128
- Bảo hiểm xã hội	942.083.212	650.480.586
- Bảo hiểm y tế	88.259.357	93.130.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	67.883.591	46.653.853
- Công ty TNHH Trung Thủy Landcaster	19.341.957.535	19.341.925.635
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.534.798.887	4.132.720.844
	<u>29.475.869.654</u>	<u>31.425.261.362</u>
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	<u>8.404.589.178</u>	<u>8.404.589.178</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	999.578.601	999.578.601	20.005.825.140	1.005.403.741	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	999.578.601	999.578.601	5.825.140	1.005.403.741	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội(1)	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn đã quá hạn trả	331.443.708.819	331.443.708.819	273.060.968	52.336.949.095	279.379.820.692	279.379.820.692
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.648.220.692	25.648.220.692	-	240.000.000	25.408.220.692	25.408.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu	32.193.888.127	32.193.888.127	273.060.968	32.466.949.095	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (3)	8.600.000.000	8.600.000.000	-	440.000.000	8.160.000.000	8.160.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (4)	265.001.600.000	265.001.600.000	-	19.190.000.000	245.811.600.000	245.811.600.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	66.481.781.357	66.481.781.357	40.000.000.000	66.481.781.357	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (5)	66.481.781.357	66.481.781.357	40.000.000.000	66.481.781.357	40.000.000.000	40.000.000.000
	398.925.068.777	398.925.068.777	60.278.886.108	119.824.134.193	339.379.820.692	339.379.820.692

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (2)	25.648.220.692	25.648.220.692	-	240.000.000	25.408.220.692	25.408.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu	32.193.888.127	32.193.888.127	273.060.968	32.466.949.095	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (3)	8.600.000.000	8.600.000.000	-	440.000.000	8.160.000.000	8.160.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (4)	265.001.600.000	265.001.600.000	-	19.190.000.000	245.811.600.000	245.811.600.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (5)	392.192.206.305	392.192.206.305	69.981	192.542.903.087	199.649.373.199	199.649.373.199
	<u>723.635.915.124</u>	<u>723.635.915.124</u>	<u>273.130.949</u>	<u>244.879.852.182</u>	<u>479.029.193.891</u>	<u>479.029.193.891</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(397.925.490.176)	(397.925.490.176)	(40.273.060.968)	(118.818.730.452)	(319.379.820.692)	(319.379.820.692)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>325.710.424.948</u>	<u>325.710.424.948</u>			<u>159.649.373.199</u>	<u>159.649.373.199</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)			
1	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội		20.000.000.000	-	-	-			
	Số 2030/23/TĐ/SME/127	06 tháng	20.000.000.000	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh		Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		25.408.220.692	-	-	-			
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	96 tháng	25.408.220.692	-	-	-	Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 22.500 DWT - chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo dự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
3	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II		8.160.000.000	-	-	-			
	Số 83/2011/HĐTĐTSDS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.160.000.000	-	-	-	Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019 . Hiện tại không còn TSDB

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)			
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Đông Bắc	-	245.811.600.000	-	245.811.600.000	-	-	-	-
	Số 06/2003/HỆTD-TWTW ngày 21/07/2003	144 tháng	28.392.600.000	-	28.392.600.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT	Được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 6.500 DWT- Tàu Viễn Đông 3
	Số 05/2005/HỆTD -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	100.662.000.000	-	100.662.000.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Số 07/2006/HỆTDSĐ-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	116.757.000.000	-	116.757.000.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 31/12/2023 (đồng)	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
				Nợ ngắn hạn (đồng)	Nợ đã quá hạn thanh toán (đồng)	Nợ dài hạn đến hạn trả (đồng)			
5	Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		199.649.373.199	-	-	40.000.000.000	159.649.373.199		
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022.		199.649.373.199	-	-	40.000.000.000	159.649.373.199	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippine. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 17/01/2023.								
	Tổng cộng		499.029.193.891	20.000.000.000	279.379.820.692	40.000.000.000	159.649.373.199		

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	629.993.370.000	88.258.000	10.753.625.664	4.840.727.077	(2.361.988.637.432)	(1.716.312.656.691)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	214.539.814.131	214.539.814.131
Phân phối lợi nhuận	-	-	446.013.216	-	(902.823.788)	(456.810.572)
Số dư cuối năm trước	629.993.370.000	88.258.000	11.199.638.880	4.840.727.077	(2.148.351.647.089)	(1.502.229.653.132)
Số dư đầu năm nay	629.993.370.000	88.258.000	11.199.638.880	4.840.727.077	(2.148.351.647.089)	(1.502.229.653.132)
Tăng vốn trong năm nay	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	557.820.404.375	557.820.404.375
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	531.606.600	-	(1.817.403.577)	(1.285.796.977)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.243.107)	(4.243.107)
Số dư cuối năm nay	669.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.592.352.889.398)	(905.699.288.841)

Theo Quyết định phân phối lợi nhuận số 08/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2023 và Quyết định số 34/QĐ-HĐQT ngày 10/10/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2023 như sau:

	Tại công ty con
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	531.606.600
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.285.796.977

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	44,61%	298.880.000.000	47,44%	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	8,96%	60.000.000.000	3,17%	20.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	3,13%	20.984.000.000	3,56%	22.433.000.000
Các cổ đông khác	43,30%	290.129.370.000	45,82%	288.680.370.000
	<u>100%</u>	<u>669.993.370.000</u>	<u>100%</u>	<u>629.993.370.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	669.993.370.000	629.993.370.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	629.993.370.000	629.993.370.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	40.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	669.993.370.000	629.993.370.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	66.999.337	62.999.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.999.337	62.999.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.999.337	62.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.731.245.480	11.199.638.880
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	<u>16.571.972.557</u>	<u>16.040.365.957</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 1.167 m²; 143,4 m² và 431 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	911.829,61	933.480,77
- Đồng Euro (EUR)	-	0,70

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.208.068.467	1.208.068.467
- Các khoản đã xóa nợ khác	7.472.240.260	7.472.240.260

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	19.206.515.500	18.193.180.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ	418.460.063.253	759.835.541.581
	<u><u>437.666.578.753</u></u>	<u><u>778.028.722.221</u></u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.498.920.088	17.569.516.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	427.288.062.351	526.196.493.023
	<u><u>445.786.982.439</u></u>	<u><u>543.766.009.268</u></u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.455.146.183	4.997.495.699
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.414.117.159	12.367.222.697
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	305.755.685	751.160.267
	<u><u>7.175.019.027</u></u>	<u><u>18.115.878.663</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.475.407.392	65.537.829.401
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.709.352.372	28.139.964.730
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	49.869.791	418.475.110
Chi phí tài chính khác	3.194.925.919	30.623.481
	<u>50.429.555.474</u>	<u>94.126.892.722</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	5.592.023.058	12.334.756.586
	<u>5.592.023.058</u>	<u>12.334.756.586</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.153.570.685	1.409.615.993
Chi phí nhân công	17.777.422.866	17.095.487.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.329.623	441.895.224
Thuế, phí, lệ phí	1.227.031.111	1.023.482.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.862.434.723	4.692.240.709
Chi phí khác bằng tiền	5.301.769.236	4.225.262.451
	<u>30.874.558.244</u>	<u>28.887.984.044</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định(*)	84.702.030.791	75.800.148.517
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết (**)	570.902.797.915	85.743.264.176
Thu nhập khác	482.771.801	593.933.296
	<u>656.087.600.507</u>	<u>162.137.345.989</u>

(*) Ngày 26/10/2023, Công ty đã thanh lý tàu VTC Sun (trọng tải 23.581 DWT, đóng năm 1996 tại Nhật Bản) và bàn giao tàu cho người mua tại cảng Hòn Gai, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(**) Ngày 15/03/2022, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 001/2022/MBN/ACB-DATC, kể từ ngày 30/03/2022, DATC chính thức là chủ nợ mới của Vitranschart và được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với khoản nợ được DATC nhận chuyển giao từ ngân hàng ACB.

Theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 31/03/2022, về việc xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ, xác định số tiền Công ty phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu đến ngày 30/03/2022 là 432.496.565.129 tỷ đồng.

Theo công văn số 121/CNHCM-PMBN ngày 25/05/2023, DATC xác nhận Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ cho DATC đối với khoản nợ DATC nhận chuyển giao từ ACB. Do đó, Công ty ghi nhận 484.841.676.185 đồng tiền lãi vay và 86.061.121.730 đồng tiền gốc vay của khoản nợ vay này vào thu nhập khác.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.008.588	101.237.380
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	-	61.302.695.075
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn và lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II đối với tàu Viễn Đông 5	2.664.185.778	-
Tiền chậm nộp thuế, truy thu thuế	168.399.332	-
Chi phí khác	4.986.712.221	313.420.762
	<u>7.827.305.919</u>	<u>61.717.353.217</u>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con SCCM	2.598.368.778	2.873.116.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con Hải Đăng	-	36.020.213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.598.368.778</u>	<u>2.909.136.905</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	90.019.566	49.971.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	617.702.926	289.309.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.627.601.952)	(2.630.715.484)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>678.489.318</u>	<u>617.702.926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	557.820.404.375	214.539.814.131
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	557.820.404.375	214.539.814.131
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	66.570.766	62.999.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.379	3.405

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.618.162.276	36.980.435.614
Chi phí nhân công	248.637.650.152	270.227.623.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.478.896.893	134.589.012.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.714.423.709	16.436.429.177
Chi phí khác bằng tiền	103.804.430.711	126.755.248.663
	482.253.563.741	584.988.749.898

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	29.247.954.987	-	-	29.247.954.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.182.313.386	23.249.186.422	-	176.431.499.808
	<u>182.430.268.373</u>	<u>23.249.186.422</u>	<u>-</u>	<u>205.679.454.795</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	34.104.422.562	-	-	34.104.422.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	143.138.577.438	23.249.154.521	-	166.387.731.959
	<u>177.243.000.000</u>	<u>23.249.154.521</u>	<u>-</u>	<u>200.492.154.521</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	339.379.820.692	159.649.373.199	-	499.029.193.891
Phải trả người bán, phải trả khác	42.017.409.149	8.404.589.178	-	50.421.998.327
Chi phí phải trả	754.688.358.682	-	-	754.688.358.682
	<u>1.136.085.588.523</u>	<u>168.053.962.377</u>	<u>-</u>	<u>1.304.139.550.900</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	398.925.068.777	325.710.424.948	-	724.635.493.725
Phải trả người bán, phải trả khác	49.595.208.454	8.404.589.178	-	57.999.797.632
Chi phí phải trả	1.227.442.488.901	-	-	1.227.442.488.901
	<u>1.675.962.766.132</u>	<u>334.115.014.126</u>	<u>-</u>	<u>2.010.077.780.258</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	232.165.277.658	205.501.301.095	437.666.578.753
Chi phí bộ phận trực tiếp	265.565.237.041	180.221.745.398	445.786.982.439
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>(33.399.959.383)</u>	<u>25.279.555.697</u>	<u>(8.120.403.686)</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	38.228.636		38.228.636
Tài sản bộ phận trực tiếp	413.663.882.559	45.156.176.386	458.820.058.945
Tổng tài sản	<u>413.663.882.559</u>	<u>45.156.176.386</u>	<u>458.820.058.945</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.322.043.689.417	42.475.658.369	1.364.519.347.786
Tổng nợ phải trả	<u>1.322.043.689.417</u>	<u>42.475.658.369</u>	<u>1.364.519.347.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Theo khu vực địa lý	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.867.340.477	7.799.238.276	437.666.578.753
Tài sản không phân bổ	-	-	458.820.058.945
Nợ phải trả bộ phận	1.669.626.172	1.362.849.721.614	1.364.519.347.786

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Công ty con

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	594.510.606	719.726.151
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	596.681.668	721.696.249
Bà Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	463.611.001	556.891.845
Ông Lê Duy Dương	Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	32.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	32.000.000	
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	16.000.000	48.000.000
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	16.000.000	48.000.000
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng giám đốc	389.648.159	475.653.340

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	24.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	12.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Kim Phụng
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024



Số: 54 /TCKT
V/v: Giải trình kết quả kiểm toán
BCTC Tổng hợp và Hợp nhất năm 2023.

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Mã chứng khoán: VST) xin giải trình các nội dung tại Báo cáo Tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2023:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	So sánh (tăng + / giảm -)	
			Giá trị	%
Tổng doanh thu Hợp nhất	1.100.929	958.282	142.647	15%
<i>Trong đó, số liệu Tổng hợp</i>	869.148	729.631	139.517	19%
Lợi nhuận sau thuế TNDN Hợp nhất	557.820	214.540	343.280	160%
<i>Trong đó, số liệu Tổng hợp</i>	563.711	211.850	351.861	166%

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, theo đó kết quả kinh doanh năm 2023 có lợi nhuận sau thuế lãi gần 558 tỷ đồng, **tăng lãi hơn 343 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhờ khoản thu từ lợi nhuận bán tàu VTC Sun và xử lý tài chính do giảm trừ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) chuyển giao cho Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC), miễn trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

2. Giải trình ý kiến kiểm toán

(1) *Kiểm toán lo ngại khả năng hoạt động liên tục, do bởi chỉ tiêu lũy kế lợi nhuận kế toán âm và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn:* Đây là đặc điểm chung của các doanh nghiệp vận tải biển trong thời gian tái cơ cấu. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và dự kiến được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024-2025. Với căn cứ pháp lý như trên, Công ty có đủ cơ sở giả định hoạt động liên tục trong thời gian tới.

(2) *Khoản phạt 29,306 tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa được Công ty ghi nhận năm 2022:* Đây là khoản phí phạt phát sinh sau khi ngân hàng bán và chuyển giao

khoản nợ cho DATC, theo đó Công ty không có nghĩa vụ trả khoản phạt này cho DATC theo thỏa thuận hai bên đã ký kết.

Các giải pháp khắc phục ý kiến kiểm toán:

1- Công ty tranh thủ tận dụng cơ hội thị trường để ký hợp đồng cho thuê tàu và thuyền viên theo hướng có lợi, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí để cải thiện kết quả kinh doanh.

2- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty, trong đó có việc triển khai nhóm giải pháp giảm lỗ và duy trì hoạt động SXKD nói chung cũng như đội tàu Vitranschart nói riêng, bao gồm các giải pháp về kinh doanh - thị trường, về quản trị tài chính, tái cơ cấu tài chính, tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng cường quản lý kỹ thuật đội tàu,...

3- Công ty tập trung nguồn lực thực hiện đúng theo cam kết với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) nhằm được miễn giảm nghĩa vụ tài chính đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Chợ lớn. Hoàn thiện hồ sơ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) để được hưởng chính sách theo Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Trên đây là ý kiến giải trình của VST kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.



Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS (báo cáo)
- Tky Cty
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Lương